

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà PEARL PLAZA, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +8428.35.128.668

Fax: +8428.35.128.688

haiminhgroup@vnn.vn

www.haiminh.com.vn



HAI MINH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2017

TP. HỒ CHÍ MINH

04 - 2018

MỤC LỤC

1	Tổng quan về Công ty cổ phần Hải Minh	3-7
2	Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm	8-13
3	Báo cáo của Ban Giám đốc	14-16
4	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty	17-19
5	Quản trị Công ty	20-26
6	Báo cáo tài chính hợp nhất 2017 (đã kiểm toán)	

Phần I

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

1. THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tên tiếng Anh: HAIMINH CORPORATION

Tên giao dịch viết tắt: HAMI CORP

Địa chỉ: TẦNG 17, TÒA NHÀ PEARL PLAZA, P.25, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM

Điện thoại: 028 3512 8668 Fax: 028 3512 8688

Vốn điều lệ: 131.998.470.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 131.998.470.000 đồng

Website: www.haiminh.com.vn

Niêm yết cổ phiếu tại: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên cổ phiếu: Công ty cổ phần Hải Minh

Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phần

Mã chứng khoán: HMMH

Số lượng cổ phiếu niêm yết: 13.199.847 CP

2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH

Ngày 24/01/2002 Công ty Cổ phần Hải Minh thành lập theo Giấy CNĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, với vốn điều lệ ban đầu là 1.500.000.000 đồng với mười một cổ đông sáng lập, thay đổi Giấy CN ĐKKD lần cuối cùng (lần thứ 14) ngày 30 tháng 05 năm 2017.

Qua một chặng đường phát triển, một số cột mốc đáng chú ý như sau:

- ❖ 01/2002 : Thành lập Công ty cổ phần Hải Minh
- ❖ 06/2005 : Thành lập Công ty thành viên đầu tiên – Công ty Hải Thanh Thanh
- ❖ 08/2005 : Thành lập liên doanh đầu tiên – Hoàng Nam Logistics
- ❖ 10/2006 : Thành lập Công ty TNHH “K” Line (Việt Nam) là Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Hải Minh và hãng tàu “K” Line Nhật Bản.
- ❖ 03/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 29,2 tỷ đồng
- ❖ 04/2007 : Mở tuyến vận tải container bằng đường thủy Hồ Chí Minh – Campuchia
- ❖ 10/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 49,3 tỷ đồng
- ❖ 06/2008 : Nâng vốn điều lệ lên 56,16 tỷ đồng
- ❖ 06/2010 : Được chính thức chỉ định là đại lý cho Samudera Shipping Line (Singapore) tại Việt Nam
- ❖ 07/2010 : Niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- ❖ 08/2010 : Thành lập Công ty liên doanh với tập đoàn DongBu Hàn Quốc (Cty TNHH Tiếp Vận DongBu - Hải Minh)
- ❖ 10/2011 : Niêm yết bổ xung 1.741.116 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 17.411.160.000 đ. Nâng vốn điều lệ lên 73,57 tỷ đồng
- ❖ 10/2011 tiến hành đàm phán với PISD thành lập Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh – Tỷ lệ vốn góp ban đầu là 13%. Công ty đã được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh và hoạt động từ tháng 03/2012, đến tháng 11/2012 Hải Minh đã nhận chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn góp của PISD.
- ❖ 12/2012: Đăng ký lưu ký bổ xung 2.642.504 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 26.425.040.000đ. Nâng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng (theo đúng vốn đăng ký trên giấy phép ĐKKD) và số cổ phiếu này đã được UBCK chấp thuận niêm yết tại sàn HNX vào tháng 01/2013.
- ❖ 09/2013: Sáp nhập Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng vào Công ty TNHH tiếp vận Hải Minh.
- ❖ 03/2015: Thành lập Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh.
- ❖ 12/2015: Đăng ký lưu ký bổ xung 3.199.847 cổ phiếu, tương ứng giá trị chứng khoán đăng ký 31.998.470.000đ. Nâng vốn điều lệ lên 131.998.470.000 đồng và số cổ phiếu này đã được UBCK chấp thuận niêm yết tại sàn HNX vào tháng 01/2017.
- ❖ 07/2016: Công ty cổ phần Hải Minh thoái toàn bộ vốn khỏi Công ty Hàng hải Hưng Phú (49% của vốn điều lệ 2.000.000.000 VNĐ)
- ❖ 08/2016: Đưa vào sử dụng bãi Container với diện tích 2.3 ha tại Hải phòng
- ❖ Tháng 10/2017 hạ thủy và đưa vào khai thác Sà lan 1.750 tấn chuẩn SB

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Công ty đăng ký hoạt động kinh doanh chính tại 02 thành phố là Tp. HCM và Hải Phòng với các lĩnh vực kinh doanh chủ yếu như sau:

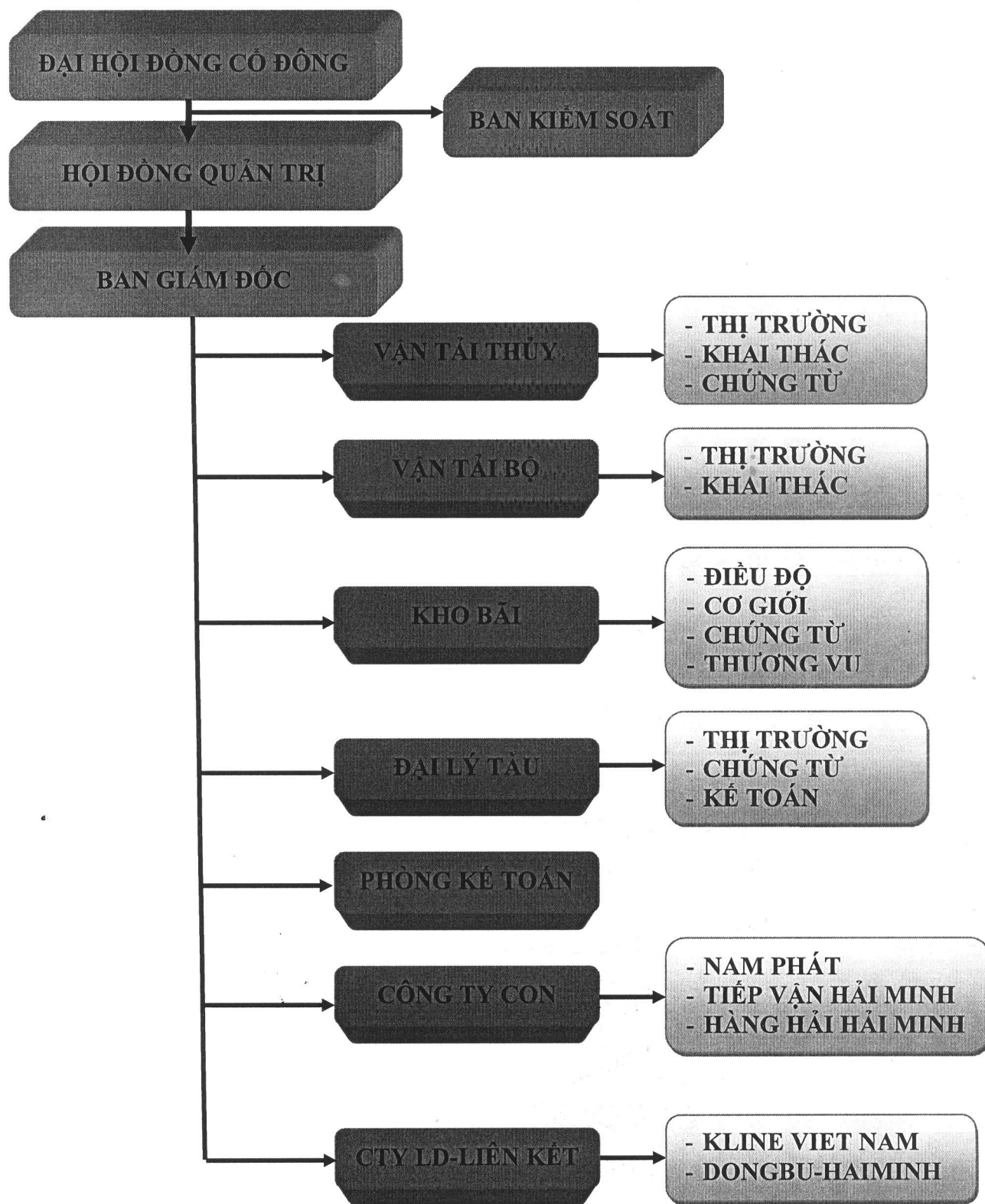
- ✓ Vận tải nội địa và quốc tế; Kho vận và phân phối;
- ✓ Khai thác cảng, cho thuê kho bãi, dịch vụ đại lý hàng hải;
- ✓ Sửa chữa và kinh doanh các thiết bị chuyên dụng, container;
- ✓ Đại lý tàu biển; cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển.
- ✓ Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- ✓ Mua bán xe chuyên dùng...

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

4.1 Mô hình quản trị bao gồm:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và kế toán trưởng
- ✓ Tổng giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể của các đơn vị thành viên, thông qua người phụ trách cao nhất tại các đơn vị là Giám đốc các đơn vị thành viên và các trưởng phó phòng.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý – sơ đồ tổ chức:



4.3 Các công ty con, công ty liên kết:

4.3.1 Các công ty con:

- ✓ Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát hoạt động theo giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202006749 ngày 25/06/2008 do sở hế hoạch đầu tư Tp Hải Phòng cấp
Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng.
Vốn điều lệ: 32.000.000.000đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 96,08%
- ✓ Công ty TNHH Tiếp Vận Hải Minh hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0201242464 ngày 20/02/2012 do do sở kế hoạch đầu tư Tp.Hải Phòng cấp.
Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng
Vốn điều lệ: 46.000.000.000 đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 100%
- ✓ Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 020624350 ngày 06/03/2015 do do sở kế hoạch đầu tư Tp.Hải Phòng cấp.
Trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh (HaiMinh –Tower), Km 105 đường bao Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Tp Hải Phòng
Vốn điều lệ: 42.000.000.000 đ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 99,99%

4.3.2. Các công ty liên kết

- ✓ Công ty TNHH “K”Line Việt Nam hoạt động theo giấy phép đầu tư số 011021000027 ngày 24/10/2006 do bộ Kế hoạch đầu tư cấp.
Trụ sở chính: Tầng 6, tòa nhà Sun Red River, 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Vốn điều lệ: 72.803.470.213 VNĐ # 3.460.899 USD
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 25%
- ✓ Công ty Tiếp vận DongBu Hải Minh hoạt động theo giấy phép đầu tư số 411022000536 ngày 31/08/2010 do UBND Tp.HCM cấp.
Trụ sở chính: Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, Phường. 25, Quận Bình Thạnh, TP HCM
Vốn điều lệ: 14.295.350.000 VNĐ
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty: 49%

5. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN

Luôn tuân chỉ và bám sát phương châm:

“Phát triển bền vững, bảo toàn vốn, đẩy mạnh hợp tác liên doanh - liên kết, đảm bảo lợi ích nhà đầu tư & người lao động”.

- ✓ Hiệu quả cao trong tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✓ Mở rộng quy mô hoạt động, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, đầu tư thêm cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh;
- ✓ Tìm kiếm mở rộng phạm vi hợp tác với các đối tác nhằm phát huy nội lực của công ty kết hợp với thế mạnh của các đối tác;
- ✓ Đảm bảo an toàn và phát triển đồng vốn chủ sở hữu;
- ✓ Nâng cao đời sống cho cán bộ CNV Công ty.

Phần II TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1 Kết quả hoạt động SXKD trong năm:

- Hoạt động kinh doanh năm 2017 của công ty không tránh khỏi những khó khăn chung của nền kinh tế, đặc biệt tại khu vực Thành phố Hải Phòng (nơi tập đoàn có 3 đơn vị thành viên (Công ty con) đang hoạt động), việc đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông theo Quyết định của Sở giao thông thành phố Hải Phòng, dẫn đến tuyến đường từ Ngã ba Đình Vũ đi các Cảng và KCN Đình Vũ bị cấm lưu thông dẫn đến hoạt động của Công ty ảnh hưởng nghiêm trọng. Kết quả kinh doanh năm 2017 của công ty đạt được như sau:
 Tổng doanh thu từ hoạt động SXKD đạt 119,73 tỷ đồng tăng 3,38% so kế hoạch và giảm 7,46% so với năm 2016. Tổng chi phí đạt 110,93 tỷ đồng tăng 9,02% so với kế hoạch tăng 4,52%. Tổng lợi nhuận sau thuế đạt 7,168 tỷ đồng đạt 62,18% so với kế hoạch và bằng 38,08% so với năm 2016. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 1.564 đồng /cổ phần.

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2016	Kế Hoạch 2017	Thực hiện 2017	2017 TH/KH (%)	2017/2016 (%)
Tổng doanh thu	129.390	115.818	119.732	103,38	92,54
+ DT từ hoạt động SXKD	115.966	114.105	113.228	99,23	97,64
+ DT tài chính	11.404	1.413	4.282	303,04	37,55
+ DT Khác	2.020	300	2.222	740,67	110,00
Tổng chi phí	106.128	101.751	110.933	109,02	104,52
+ CP giá vốn	95.849	92.291	99.328	107,62	103,62
+ Tài chính	154	130	1.520	1169,23	987,01
+ CP quản lý doanh nghiệp	9.928	9.313	9.870	105,98	99,41
+ CP Khác	197	0	215	215,00	109,13
Lợi nhuận sau thuế	18.821	11.532	7.168	62,18	38,08
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	12.241	13.500	14.858	110,06	121,39
Tổng lợi nhuận hợp nhất	31.062	25.032	22.027	88,00	71,00

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

2.1 Danh sách ban điều hành

a. Ông Nguyễn Thế Hưng – Tổng giám đốc

- Họ và tên : NGUYỄN THẾ HƯNG
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 16/10/1973
- Nơi sinh : Hải Phòng Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hải Phòng
- Số CMND : 024897269 Cấp ngày 10/12/2008 tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 92/12 Lâm Văn Bền, P.Tân Thuận Tây, Quận 7, TPHCM
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân tài chính kế toán.
- Chức vụ công tác hiện nay : Tổng giám đốc
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2018): 173.695 cổ phần (1,32% Vốn điều lệ)

b. Ông Đặng Ngọc Hùng –P. Tổng giám đốc

- Họ và tên : ĐẶNG NGỌC HÙNG
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh: 17/01/1961
- Nơi sinh : Hà nội Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hà nội
- Số CMND : 020376721 Cấp ngày 27/04/2007 tại CA TpHCM
- Địa chỉ thường trú: 62AVõ Thị Sáu – P. Tân Định – Q.1, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - Khoa học
- Chức vụ công tác hiện nay : Phó Tổng giám đốc công ty.
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2018): 24.380 cổ phần (0,18% Vốn điều lệ).

c. Ông Trần Đoàn Viện – P. Tổng Giám đốc phụ trách phía Bắc

- Họ và tên : TRẦN ĐOÀN VIỆN
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh: 28/08/1970
- Số CMND : 030955726 Cấp ngày 31/12/2008 tại CA Tp Hải Phòng
- Nơi sinh : Hưng Yên Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú: 8/59 Hoàng Quý, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hóa : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế VT Biển
- Chức vụ công tác hiện nay : P.TGD phụ trách phía Bắc/ GD C.ty
TNHH Tiếp Vận Nam Phát
- Số lượng cổ phần nắm giữ (31/12/2018): 71.808 cổ phần (0,54% Vốn điều lệ).

2.2 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính đến thời điểm 31/12/2018 Công ty có 166 CB CNV, trong đó trình độ trên đại học chiếm 0,61%, trình độ đại học và cao đẳng chiếm 41,72%, Trung cấp và có bằng nghề chuyên môn chiếm 57,67%.

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

3.1 Tình hình đầu tư:

- ✓ Đầu tư bãi container 23.000 m² Đình Vũ: Tổng mức đầu tư đến 31/12/2017 là 41,07 tỷ đồng bao gồm:

Dự án cơ bản hoàn thành và đưa vào khai thác vào tháng 08/2016.

Năm 2017 tiếp tục cải tạo và nâng cấp một số hạng mục để phù hợp với thực tế khai thác

- ✓ Mở tuyến vận chuyển container HCM – Phú Quốc: Đã tiến hành đóng sà lan phù hợp với tuyến vận chuyển, hoàn thành vào cuối quý 3/2017 song chưa ấn định được thời gian mở tuyến do chưa tìm được đối tác hợp tác tổ chức bốc xếp container tại đảo Phú Quốc.

Hiện tài sản hình thành đưa vào khai thác nội địa ở những tuyến vận tải sông tuyến Sài Gòn các Tỉnh miền Tây... dự án được tiếp tục duy trì, sẽ triển khai thực hiện khi tìm được đối tác phù hợp.

3.2 Tình hình hoạt động và tài chính của các công ty liên quan:

Đơn vị tính: 1000 đồng

Các chỉ tiêu	TV Nam Phát (96,08%)	TV Hải Minh (100%)	HH Hải Minh (99,99%)
Tổng DT	37.718.906	45.288.857	11.396.790
Tổng CP	35.701.750	43.931.934	10.743.606
LN sau thuế	1.608.895	1.085.538	653.184

Ngoài ra còn một số đơn vị mà Công ty có tham gia đầu tư tài chính, nhằm tận dụng sức mạnh của đối tác và và khai thác triệt để khả năng của công ty như:

+ C.ty TNHH Vận Tải & Xếp dỡ Hải An

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính của Công ty trong năm ổn định, nguồn vốn dành cho hoạt động sản xuất kinh doanh được đảm bảo, thanh khoản tốt, đảm bảo chế độ tiền lương và chính sách với người lao động, thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước kịp thời đúng qui định. Công tác thu hồi công nợ thực hiện tốt, dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh dương, đủ đảm bảo cho dòng tiền cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính...

4.2 Các chỉ tiêu tài chính

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	33,29	34,57	33,21
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	66,71	65,43	66,79
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	4,95	7,85	5,57
Vốn chủ sở hữu/ Nguồn vốn	%	95,05	92,15	94,43
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	28,16	30,61	20,89
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	24,50	26,79	19,45
Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	14,21	12,0	8,3
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,00	11,71	8,18
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	%	25,21	23,53	16,69
Lãi cơ bản /cổ phiếu (EPS)	vnd	2,975	2,113	1.564

Các chỉ tiêu tài chính 2017 cho thấy, tình hình tài chính của công ty rất lành mạnh, khả năng thanh toán tốt, hệ số nợ giảm so cùng kỳ, tuy nhiên tỷ suất sinh lợi giảm so với cùng kỳ do sự suy giảm chung của ngành và một số nguyên nhân khách quan.

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 13.199.847 CP
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: Cổ phiếu phổ thông
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 13.199.847 CP

5.2 Cơ cấu cổ đông:

- ✓ Tính đến 31/12/2017 (Theo DS chốt quyền ngày 26/12/2017) cơ cấu cổ đông Công ty CP Hải Minh được thể hiện cụ thể như sau:

TT	THÀNH PHẦN	SỞ HỮU CP	TỶ LỆ (%)
1	Cổ đông lớn	1.426.217	10,80
2	Cổ đông nhỏ	11.773.630	89,20
3	Cổ đông tổ chức	1.618.954	12,26
4	Cổ đông cá nhân	11.580.893	87,74
5	Cổ đông trong nước	10.921.446	82,74
6	Cổ đông nước ngoài	2.278.401	17,26
7	Cổ đông nhà nước	0	0

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm vốn đầu tư của chủ sở hữu không thay đổi.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có giao dịch.

5.5 Các loại chứng khoán khác: Công ty sở hữu 412.500 CP HAH của Công ty Cổ phần Vận tải & Xếp dỡ Hải An.

Phần III
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC
VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông ngày 23/04/2017.

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Hải Minh xin báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch và báo cáo tài chính năm 2017 như sau:

TÓM TẮT KẾT QUẢ HỢP NHẤT BCTC 2017

1.1 Kết quả hợp nhất BCTC năm 2017

Đơn vị tính: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện 2016	Kế Hoạch 2017	Thực hiện 2017	2017 TH/KH (%)	2017/2016 (%)
Tổng doanh thu	129.390	115.818	119.732	103,38	92,54
+ DT từ hoạt động SXKD	115.966	114.105	113.228	99,23	97,64
+ DT tài chính	11.404	1.413	4.282	303,04	37,55
+ DT Khác	2.020	300	2.222	740,67	110,00
Tổng chi phí	106.128	101.751	110.933	109,02	104,52
+ CP giá vốn	95.849	92.291	99.328	107,62	103,62
+ Tài chính	154	130	1.520	1169,23	987,01
+ CP quản lý doanh nghiệp	9.928	9.313	9.870	105,98	99,41
+ CP Khác	197	0	215	215,00	109,13
Lợi nhuận sau thuế	18.821	11.532	7.168	62,16	38,08
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	12.241	13.500	14.858	110,06	121,39
Tổng lợi nhuận hợp nhất	31.062	25.032	22.027	88,00	71,00

Tổng doanh thu: 119,732 tỷ tăng 3,38% so kế hoạch và bằng 92,54% so cùng kỳ

Trong đó:

+ Doanh thu SXKD: 113,228 tỷ đạt 99,23% so kế hoạch và bằng 97,64% cùng kỳ.

+ Doanh thu HĐTC: 4,282 tỷ tăng 303,04 % kế hoạch và bằng 37,55% cùng kỳ.

+ Doanh thu khác: 2,222 tỷ tăng 740,67 % so kế hoạch và tăng 10,00% cùng kỳ.

Tổng chi phí: 110,933 tỷ tăng 9,02 % kế hoạch và tăng 4,52% cùng kỳ

Trong đó:

+ Chi phí giá vốn: 99,328 tỷ tăng 7,62 % so kế hoạch và tăng 3,62% cùng kỳ.

+ Chi phí QLDN: 9,870 tỷ tăng 5,98 % so kế hoạch và bằng 99,41% cùng kỳ

+ Chi phí TC: 1,520 tỷ

+ Chi phí khác: 0,215 tỷ đồng

Lợi nhuận:

Lợi nhuận từ HĐKD (sau thuế): 7,168 tỷ đạt 62,16% kế hoạch và bằng 38,08% cùng kỳ

Lợi nhuận từ đầu tư: 14,858 tỷ tăng 10,06% kế hoạch và tăng 21,39% cùng kỳ

Lợi nhuận hợp nhất: 22,027 tỷ đạt 88,00% kế hoạch và bằng 71,00% cùng kỳ

1.2 Một số chỉ tiêu tài chính (03 năm liền kề)

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	33,29	34,57	33,21
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	66,71	65,43	66,79
Cơ cấu nguồn vốn				
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	4,95	7,85	5,57
Vốn chủ sở hữu/ Nguồn vốn	%	95,05	92,15	94,43
Tỷ suất sinh lời				
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	28,16	30,61	20,89
Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu	%	24,50	26,79	19,45
Lợi nhuận trước thuế /Tổng tài sản	%	14,21	12,0	8,3
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,00	11,71	8,18
Lợi nhuận sau thuế/Vốn đầu tư CSH	%	25,21	23,53	16,69
Lãi cơ bản /cổ phiếu (EPS)	vnđ	2,975	2,113	1.564

1.3. Báo cáo tình hình sử dụng các quỹ đến 31/12/2017*Đơn vị: triệu đồng*

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
1	.Quỹ đầu tư phát triển	6.745.704
2	.Quỹ phúc lợi	
2.1	+ Tồn đầu kỳ	67.351
2.2	+ Tăng trong kỳ	1.859.823
2.3	+ Phân bổ cho các ĐVTV & chi các hoạt động của công ty	1.798.384
2.4	+ Tồn cuối kỳ	128.790
3	.Quỹ khen thưởng ban điều hành	
3.1	+ Tồn đầu kỳ	347.203
3.2	+ Tăng trong kỳ	1.239.882
3.3	+ Chi thù lao TV HĐQT & BKS	650.000
3.4	+ Khen thưởng BGD	180.000
3.5	+ Chi các hoạt động của HĐQT	364.907
3.6	+ Tồn cuối kỳ	392.175

Phần IV

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT Đ.H.C.Đ NĂM 2017

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Căn cứ vào Nghị quyết số 01-2017/NQ-ĐHCD ngày 23/04/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên tài khóa 2017 của Công ty cổ phần Hải Minh.

Thay mặt Hội đồng quản trị xin Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của công ty năm 2017 và Dự kiến nhiệm vụ năm 2018 của công ty như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NĂM 2017.

1. Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU	KH 2017	THỰC HIỆN 2017	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	115.821.000	119.731.939	103,38
Tổng chi phí	101.756.854	110.933.628	109,02
Lợi nhuận sau thuế	11.532.076	7.168.310	62,16
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	13.500.000	14.858.419	110,06
Tổng lợi nhuận hợp nhất	25.032.000	22.026.566	88,00

2. Thực hiện phương án phân phối lợi nhuận năm 2016:

HĐQT đã thực hiện đầy đủ việc phân phối lợi nhuận năm 2016 đã được ĐHĐCĐ thông qua cụ thể như sau:

- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 6% lợi nhuận HN năm 2016: 1.859.823.493 đồng
- Trích lập quỹ HĐQT 4% lợi nhuận HN năm 2016: 1.239.882.329 đồng.
- Chia cổ tức đợt 1/2017 tỷ lệ 10%/CP ngày 26/7/2017: 13.199.847.000 đồng.
- Chốt danh sách chia cổ tức đợt 2/2017 10%/CP và thực hiện chi trả vào ngày 31/1/2018.

3. Tình hình quản trị công ty.

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị công ty đã họp ra 06 Nghị quyết, 06 Quyết định liên quan đến nhiều lĩnh vực để thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông kiểm điểm tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tài khóa năm 2016 thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2017 của Công ty.

Đã tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế quản lý của công ty. Thực hiện việc quản lý, giám sát các hoạt động kinh doanh của công ty theo các quy chế đã ban

hành. Người đại diện phần vốn góp tại các công ty có vốn góp của công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: Việc công bố các thông tin kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán Nhà nước...Thực hiện tốt các quy định của Luật chứng khoán đối với công ty đã niêm yết trên thị trường.

4. Thực hiện quỹ HĐQT năm 2017.

Quỹ HĐQT tồn đến 31/12/2016	:	347.203.140 đ
Trích lập quỹ HĐQT năm 2017 theo NQ ĐHCĐ duyệt	:	1.239.882.328đ
Chi thù lao HĐQT (05 người)	:	480.000.000đ
Chi thù lao cho BKS (03 người)	:	170.000.000đ
Chi khen thưởng cho Ban Tổng giám đốc (03 người)	:	180.000.000đ
Chi cho các hoạt động của HĐQT	:	364.907.560đ

B. PHƯƠNG HƯỚNG - NHIỆM VỤ NĂM 2018.

Căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018 và dự tính tình hình thị trường năm 2018 HĐQT công ty dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 như sau:

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN 2017	KẾ HOẠCH 2018	TỶ LỆ %
Tổng doanh thu	119.731.939	121.762.778	101,70
Tổng chi phí	110.933.628	106.437.668	95,95
Lợi nhuận sau thuế	7.168.310	12.563.267	175,26
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	14.858.419	2.000.000	13,46
Tổng lợi nhuận hợp nhất	22.026.566	14.563.267	66,12

2. Kế hoạch đầu tư mở rộng sản xuất:

Tập trung mọi nguồn lực vốn đầu tư cho công ty mẹ tại khu vực TP Hồ Chí Minh tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ truyền thông. Tích cực tìm kiếm các khả năng mở rộng SXKD trong các lĩnh vực khác với nhiều hình thức như: đầu tư mới, liên doanh, liên kết, mua bán sáp nhập doanh nghiệp và các loại hình kinh doanh khác.

Tại khu vực phía Bắc trong nhiều năm qua chúng ta đã tập trung đầu tư khá lớn, cơ sở vật chất đã dần xuống cấp cần phải được nâng cấp cải tạo để phù hợp với yêu cầu của các hãng tàu. Do vậy các đơn vị phía Bắc phải có kế hoạch thực hiện nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật ngay để phục vụ công tác thị trường. Nguồn vốn nâng cấp cải tạo bằng nguồn vốn tự có của các đơn vị.

3. Công tác quản lý công ty:

+ Phát huy mạnh mẽ vai trò của công ty mẹ trên toàn hệ thống thông qua việc:

- Quản trị tập trung, chủ động điều phối nguồn lực trong toàn công ty về tài chính, nhân sự, đào tạo, công nghệ thông tin, quảng bá thương hiệu, dịch vụ thị trường...
- Tăng cường năng lực quản trị tài chính của công ty mẹ để phát triển và hỗ trợ đầu tư vốn vào các đơn vị thành viên trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các ngành nghề kinh doanh mới tiềm năng khi có nhu cầu.
- Đẩy mạnh công tác thị trường, xây dựng hệ thống tập trung thống nhất trong việc tiếp cận thị trường giữa công ty mẹ và các đơn vị thành viên.
- Nâng cao năng lực quản trị của công ty mẹ, xây dựng hệ thống quản lý tài chính, hệ thống định mức, chế độ tiền lương, quản lý nhân sự... thống nhất giữa công ty mẹ và các đơn vị thành viên.
- Kiện toàn lại tổ chức các đơn vị trên tinh thần gọn nhẹ, cán bộ phải tinh, có trình độ quản lý, nhiệt tình yêu nghề. Kiên quyết phân loại cán bộ, công nhân viên sắp xếp hợp lý, phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay. Tiết kiệm chi phí là mục tiêu cốt lõi trong năm 2018 để tăng lợi nhuận.

+ HĐQT tiếp tục duy trì chế độ họp định kỳ hàng quý, giám sát chặt chẽ mọi hoạt động của Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT thông qua. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát đối với các hoạt động tài chính của công ty.

Các TV HĐQT căn cứ vào chức năng nhiệm vụ đã được giao có trách nhiệm giám sát, giúp đỡ ban điều hành thực thi tốt các hoạt động của mình cũng như mở rộng hoạt động kinh doanh của công ty.

+ Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện việc bán lại phần vốn góp tại các công ty liên doanh theo yêu cầu của các đối tác theo đúng giá trị vốn hiện tại và pháp luật hiện hành cụ thể:

- Bán lại 25% vốn tại Công ty TNHH K'line Việt Nam.
- Bán lại 49% vốn tại công ty TNHH Dongbu - Hai Minh.

Phần V
QUẢN TRỊ CÔNG TY

I – Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	337.904 Cổ phiếu, chiếm 2.56%	
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	437.385 Cổ phiếu, chiếm 3.31%	
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	340.185 Cổ phiếu, chiếm 2.58%	Không điều hành
4	Nguyễn Thế Quân	Thành viên	526.718 Cổ phiếu, chiếm 3.99%	Không điều hành
5	Phạm Tiến Tịnh	Thành viên	88.365 Cổ phiếu, chiếm 0.67%	Không điều hành

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Không có

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017 Hội đồng quản trị công ty đã họp và ra 12 Nghị quyết & Quyết định trong nhiều lĩnh vực để thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp, thực hiện nghiêm chỉnh chức năng nhiệm vụ quản lý, giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông tài khoá năm 2016 thông qua phương hướng nhiệm vụ năm 2017 của Công ty.

Đã tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế quản lý của công ty như: Quy chế người đại diện phần vốn góp tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế nội bộ về quản trị công ty...Thực hiện việc quản lý, giám sát các hoạt động kinh doanh của công ty theo các quy chế đã ban hành.

Các thành viên được Hội đồng quản trị cử tham gia HĐQT hoặc trực tiếp tham gia điều hành các công ty có vốn góp của công ty như: Công ty TNHH K'Line Việt Nam, Công ty TNHH tiếp vận Dongbu – Hải Minh đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Hội đồng quản trị đã có những biện pháp cụ thể để giữ bình ổn giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường chứng khoán như: Việc công bố các thông tin kịp thời, đầy đủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, Ủy ban chứng khoán Nhà

nước...Thực hiện tốt các quy định của Luật chứng khoán đối với công ty đã niêm yết trên thị trường.

1.4 Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2017 HĐQT đã có các Nghị quyết, Quyết định sau:

ST T	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2017/NQ-HĐQT	28/02/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 <ul style="list-style-type: none"> + Tổng doanh thu đạt: 131.38 tỷ đạt 87.6% kế hoạch năm 2016. + Tổng chi phí: 107.37 tỷ đạt 86% kế hoạch năm 2016. + Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 31.73 tỷ đạt 93.7% so với kế hoạch. - Dự kiến kế hoạch năm 2017. <ul style="list-style-type: none"> + Tổng doanh thu đạt: 115.05 tỷ bằng 87.6% thực hiện năm 2016. + Tổng chi phí: 101.5 tỷ bằng 94.5% thực hiện năm 2016. + Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 23.5 tỷ bằng 74.1% thực hiện năm 2016. - Thông qua kế hoạch tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2017 vào tháng 04/2017. - Thông qua quy chế ứng cử/ đề cử Thành viên HĐQT & Thành viên BKS nhiệm kỳ 2017-2021. - Thống nhất các vấn đề trình ĐHĐCĐ thường niên 2017 phê duyệt: <ul style="list-style-type: none"> + Phê duyệt Kết quả kinh doanh năm 2016. + Phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017. + Xin ý kiến ĐHĐCĐ chủ trương không tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng như Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 đã thông qua. Thay vào đó chia thêm cổ tức cho các cổ đông trong năm 2017. Mức chia cổ tức năm 2017 dự kiến 18-20% <ul style="list-style-type: none"> + Bầu thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2017-2021 - Thông qua việc thay đổi nhân sự cấp cao tại Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh. Theo đó miễn nhiệm chức danh chủ tịch Hội đồng thành viên của Ông Phùng Văn Quang. Bổ nhiệm ông Trần Đoàn Viện làm chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH DV Hàng Hải Hải Minh.
2	02-2017/NQ-HĐQT	22/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Duyệt các Báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017. - Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
3	03-2017/NQ-HĐQT	23/04/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu Ông Phùng Văn Quang làm Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021. - Bầu Ông Nguyễn Quốc Hùng làm Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021.
4	04-2017/NQ-HĐQT	10/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Phân công các lĩnh vực phụ trách của các thành viên HĐQT: <ul style="list-style-type: none"> + Ông Phùng Văn Quang: Chủ tịch HĐQT - Phụ trách chung + Ông Nguyễn Quốc Hùng: Phó Chủ tịch HĐQT - Phụ trách phía nam + Ông Phạm Tiến Tịch: TV HĐQT – Phụ trách tài chính & Đầu tư + Ông Nguyễn Văn Hà: TV HĐQT – Phụ trách đối ngoại + Ông Nguyễn Thế Quân: TV HĐQT – Phụ trách Thị trường & Khai thác. - Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối 2017. <ul style="list-style-type: none"> ✓ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm 2017 <ul style="list-style-type: none"> + Tổng doanh thu: 55.53 tỷ đồng đạt 48% so với kế hoạch + Tổng chi phí: 52.13 tỷ đồng đạt 51.2% so với kế hoạch. + Tổng LN sau thuế: 8.38 tỷ đồng đạt 33% so với kế hoạch.

			<ul style="list-style-type: none"> ✓ Dự kiến thực hiện kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017 + Tổng doanh thu: 60.29 tỷ + Tổng chi phí: 49.62 tỷ + Tổng LN sau thuế: 16.65 tỷ.
5	05-2017/NQ-HĐQT	28/09/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và ước thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017 ✓ Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 9 tháng đầu năm 2017 + Tổng doanh thu: 84.42 tỷ đồng đạt 73% so với kế hoạch + Tổng chi phí: 78.35 tỷ đồng đạt 77% so với kế hoạch. + Tổng LN sau thuế: 15.72 tỷ đồng đạt 63.1% so với kế hoạch. ✓ Dự kiến thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 + Tổng doanh thu: 110.66 tỷ + Tổng chi phí: 102.04 tỷ + Tổng LN sau thuế: 20.85 tỷ. - Theo đề nghị mua lại phần vốn góp của Công ty Cổ phần Hải Minh tại liên doanh KLINE Việt Nam của hàng tàu KLINE. Chấp nhận thoái hết phần vốn góp của Công ty Cổ phần Hải Minh tại Liên doanh KLINE Vietnam. Giao Ban Giám đốc và Ông Nguyễn Văn Hà Thành viên HĐQT – người đại diện vốn của Công ty cổ phần Hải Minh tại Liên doanh KLINE Vietnam tiến hành đàm phán với phía KLINE để việc thoái vốn đạt hiệu quả cao nhất. - Thông qua việc sử dụng nguồn vốn 10 tỷ đồng để đầu tư tài chính ngắn hạn. Giao Ban Giám đốc và Ông Phạm Tiến Tịnh – Thành viên HĐQT phụ trách tài chính – đầu tư thực hiện việc đầu tư.
6	06-2017/NQ-HĐQT	21/12/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc giải tỏa hạn chế chuyển nhượng cho sổ cổ phiếu phát hành cho người lao động trong kỳ phát hành năm 2015 - Chia cổ tức đợt 2 năm 2017 với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt (1000 đồng một cổ phần). Thời hạn thanh toán tháng 1 năm 2018.
7	01-2017/QĐ-HĐQT	31/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Bích Diệu là Quyền Kế toán trưởng
8	02-2017/QĐ-HĐQT	31/03/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định miễn nhiệm Ông Nguyễn Thành Văn thông không là Kế toán trưởng
9	03-2017/QĐ-HĐQT	04/05/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chi trả cổ tức đợt 1 năm 2017 với tỷ lệ 10%/CP
10	04-2017/QĐ-HĐQT	24/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Trả thù lao công vụ cho TV HĐQT & BKS
11	05-2017/QĐ-HĐQT	24/07/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Khen thưởng Ban Giám đốc
12	06-2017/QĐ-HĐQT	07/09/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm Kế toán trưởng

II – Ban kiểm soát

1 – Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Nguyễn Mỹ Hải	Trưởng ban	334.273 Cổ phiếu, chiếm 2.53%	
2	Triệu Đình Trung	Thành viên	114.675 Cổ phiếu, chiếm 0.87%	
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	257.535 Cổ phiếu, chiếm 1.95%	

2 – Hoạt động và đánh giá của Ban kiểm soát:

2.1. Hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát đã triển khai tổ chức các đợt làm việc định kỳ theo các quy định hiện hành của Luật doanh nghiệp và của Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán. Sau mỗi đợt làm việc đã đưa ra các kết quả kiểm soát và các khuyến nghị cần thiết cho Hội đồng quản trị và Ban giám đốc về công tác quản lý doanh nghiệp. Cụ thể là:

- Tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc ban hành các nghị quyết, quyết định thường kỳ nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. Tổ chức kiểm tra, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc trong quá trình quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với các quy định pháp luật và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Kiểm tra tính minh bạch, hợp lý của các hợp đồng kinh tế, công tác hạch toán kế toán, thẩm định các báo cáo về kết quả kinh doanh và các báo cáo tài chính của Công ty.

- Kiểm tra việc chấp hành các nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Pháp luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Xem xét các báo cáo của Đơn vị kiểm toán độc lập.

- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty.

2.2. Báo cáo kết quả giám sát

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị :

Ban kiểm soát đã tham dự 04 cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị Công ty nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017. HĐQT đã xây dựng chương trình công tác cụ thể chỉ đạo Ban giám đốc triển khai các giải pháp sản xuất kinh doanh kịp thời trước các biến động của thị trường. Tổ chức triển khai và giám sát các hoạt động đầu tư năm 2017 có kết quả khả quan.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ doanh nghiệp và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong công tác quản trị công ty. HĐQT đã phân công các Thành viên phụ trách các chuyên đề cụ thể nhằm giúp Ban giám đốc trong quá trình điều hành thực thi nhiệm vụ được giao.

Các cuộc họp định kỳ trong năm HĐQT đã đề ra các Nghị quyết, quyết định quản trị công ty phù hợp với thực tiễn đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển Công ty đúng với các quy định pháp luật hiện hành

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc :

Trong năm 2017 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có nhiều biến động do các yếu tố khách quan. Song qua kiểm tra, giám sát Ban kiểm soát đánh giá.

- Ban giám đốc đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo đúng chức năng nhiệm vụ quy định của pháp luật Nhà nước, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

- Ban giám đốc đã đề ra các biện pháp, những kiến nghị HĐQT có hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.
- Ban giám đốc đã thực hiện các chế độ quản lý tài chính một cách minh bạch đúng với các quy định tài chính hiện hành.

3. Công tác thẩm định các báo cáo tài chính.

Ban kiểm soát đã tiến hành thẩm định các báo cáo tài chính theo lộ trình hàng quý và năm tài chính năm 2017. Kết quả như sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017.

Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	1000đ	115,821,000	119.731.939	103,38
Tổng chi phí	“	101,756,854	110.933.628	109,02
Lợi nhuận sau thuế	“	11,532,076	7.168.310	62,16
Lợi nhuận từ đầu tư	“	13,500,000	14.858.419	110,06
Lợi nhuận hợp nhất	“	25,032,000	22.026.566	88,00

- Tình hình tài sản, nguồn vốn đến 31/12/2017.

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 31/12/2016
A. TÀI SẢN	285.162.709	287.895.787
1. Tài sản ngắn hạn	94.708.068	99.530.822
2. Tài sản dài hạn	190.454.640	188.364.960
B. NGUỒN VỐN	285.162.709	287.895.787
I. <u>Nợ phải trả</u>	<u>15.891.530</u>	<u>22.592.751</u>
1. <u>Nợ ngắn hạn</u>	<u>15.706.530</u>	<u>22.437.751</u>
2. <u>Nợ dài hạn</u>	<u>185.000</u>	<u>155.000</u>
II. <u>Vốn chủ sở hữu</u>	<u>269.271.178</u>	<u>265.303.036</u>
1. <u>Vốn góp chủ sở hữu</u>	<u>131.998.470</u>	<u>131.998.470</u>
2. <u>Thặng dư vốn</u>	<u>5.893.984</u>	<u>5.893.984</u>
3. <u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>6.746.260</u>	<u>6.746.260</u>
4. <u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>123.310.155</u>	<u>119.339.287</u>

- Tình hình tài chính.

Căn cứ vào kết quả kiểm tra Ban kiểm soát đánh giá Công ty có tài chính ổn định và lành mạnh thể hiện qua các chỉ tiêu về nguồn vốn, khả năng thanh toán. Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn trong sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng nguồn vốn đầu tư từ các cổ đông và vốn tích lũy qua các năm không phải vay mượn ngoài.

- Tình hình thực hiện đầu tư.

Trong năm 2017 Công ty đã thực hiện đúng kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đã tiến hành thanh lý một số lượng xe container và đầu tư mới 02 đầu kéo, 06 móc container và hoàn thiện đưa vào sử dụng 01 sà lan vận chuyển container với tổng mức đầu tư là 10.7 tỷ đồng.

4. Đánh giá – Nhân xét và kiến nghị.

Trong quá trình kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty Ban kiểm soát đánh giá trong năm 2017 HĐQT, Ban giám đốc đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ tổ chức của công ty và các quy định của pháp luật thông qua việc thực hiện phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, đảm bảo các lợi ích của nhà đầu tư và người lao động. Thực hiện tốt các chế độ, nghĩa vụ về tài chính với nhà nước.

Các Nghị quyết, quyết định được ban hành đúng luật và kịp thời bám sát thực tế nhằm xử lý các khó khăn trong từng giai đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Ban kiểm soát không nhận được các kiến nghị nào của các tổ chức, cá nhân và chưa phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý công ty của Hội đồng quản trị và ban giám đốc trong năm 2017.

Ban kiểm soát kiến nghị trong năm 2017 việc thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận không đạt so với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra do có nhiều nguyên nhân khách quan. Song HĐQT, Ban giám đốc cần nghiêm túc xem xét những nguyên nhân chủ quan trong quá trình vận hành công ty, về vấn đề tiếp cận thị trường, chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, các biện pháp cụ thể tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, trong công tác quản lý... Chủ động tìm các giải pháp trong việc phát triển dịch vụ mới bù đắp những tổn thất do các nguyên nhân khách quan gây ra.

Đề nghị HĐQT và Ban giám đốc có kế hoạch xử lý các khoản nợ khó đòi tồn đọng nhiều năm qua.

2.3. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2018.

Căn cứ chức năng nhiệm vụ đã được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty Ban kiểm soát công ty đề ra phương hướng, nhiệm vụ hoạt động năm 2018 như sau:

1. Xây dựng chương trình làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể trong các thành viên Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.
2. Thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong công ty. Thực hiện việc giám sát nội dung, tiến độ việc lập và soát xét các báo cáo tài chính năm 2018 theo hợp đồng ký kết với đơn vị kiểm toán.
3. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị công ty để nắm bắt tiến độ triển khai cũng như tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. Thực hiện các chức năng nhiệm vụ khác của Ban kiểm soát theo quy định của luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

III . Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS và BGD

3.1 Thù lao năm 2016 của HĐQT chi trong năm 2017

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2017	Ghi chú
1	Phùng Văn Quang	Chủ tịch	849.600.000	Chuyên trách
2	Nguyễn Quốc Hùng	P.Chủ tịch	380.000.000	Chuyên trách
3	Nguyễn Văn Hà	Thành viên	120.000.000	
4	Nguyễn Mỹ Hải	Thành viên	120.000.000	Nhiệm kỳ 2012-2016

5	Nguyễn Thế Quân	Thành viên	0	Nhiệm kỳ 2017-2021
6	Phạm Tiến Tịnh	Thành viên	0	Nhiệm kỳ 2017-2021

3.2 Thù lao Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao đã nhận trong năm 2017	Ghi chú
1	Nguyễn Mỹ Hải	Trưởng ban	0	Nhiệm kỳ 2017-2021
2	Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban	90.000.000	Nhiệm kỳ 2012-2016
3	Triệu Đình Trung	Thành viên	40.000.000	
4	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	40.000.000	

3.3 Thu nhập Ban Giám đốc

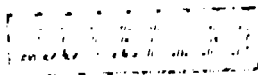
STT	Thành viên	Chức danh	Thu nhập đã nhận trong năm 2017	Ghi chú
1	Nguyễn Thế Hưng	T. Giám đốc	640.108.333	
2	Đặng Ngọc Hùng	P. T. Giám đốc	511.100.000	
3	Trần Đoàn Viện	GD PT phía bắc	536.080.000	

3.4 Thông tin giao dịch của HĐQT, BKS, cổ đông liên quan: Không có

Phần VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



1/2 / P. O. S. 12/11

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 43

10/

KI

10/

10/

10/

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hải Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ kế năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch		
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Văn Hà	Ủy viên		
Ông Nguyễn Thế Quân	Ủy viên	23/4/2017	
Ông Phạm Tiến Tịch	Ủy viên	23/4/2017	
Ông Nguyễn Mỹ Hải	Ủy viên		23/4/2017
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Mỹ Hải	Trưởng ban	23/4/2017	
Ông Nguyễn Thế Quân	Trưởng ban		23/4/2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên		
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên		
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc		
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc		

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Nguyễn Thế Hưng, chức danh Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGUYỄN THÈ HÙNG – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hải Minh, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018, từ trang 6 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hải Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt

VŨ THÈ HOÀNG - Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0484-2018-037-1

NGUYỄN ĐỨC TÂN - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2666-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

70
31
H
+
V!
=

12
51
3
A
11

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017		31/12/2016	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		94.708.068.813		99.530.822.546	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.734.241.990		46.523.785.892	
1. Tiền	111		11.687.650.797		14.023.785.892	
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.046.591.193		32.500.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.918.946.736		1.282.694.444	
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	9.529.406.637		-	
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	1.389.540.099		1.282.694.444	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.249.333.857		47.853.988.976	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.889.202.809		35.826.973.234	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	122.972.862		3.639.321.927	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8.024.206.382		8.387.693.815	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(787.048.196)		-	
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	656.094.633		730.863.097	
Hàng tồn kho	141		656.094.633		730.863.097	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.149.451.597		3.139.490.137	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.959.505.097		2.427.924.109	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		584.056.365		309.289.971	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	605.890.135		402.276.057	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		190.454.640.776		188.364.965.400	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		367.088.000		467.088.000	
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	367.088.000		467.088.000	
II. Tài sản cố định	220		132.373.876.046		97.718.418.334	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	108.867.969.809		95.846.912.917	
Nguyên giá	222		187.123.109.273		162.856.805.968	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.255.139.464)		(67.009.893.051)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	23.505.906.237		1.871.505.417	
Nguyên giá	228		24.058.532.693		1.893.987.237	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(552.626.456)		(22.481.820)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.772.884.999		40.662.097.159	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.772.884.999		40.662.097.159	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.957.971.606		43.867.260.720	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12a	45.057.954.787		40.967.243.901	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12b	2.900.016.819		2.900.016.819	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.982.820.125		5.650.101.187	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.793.544.571		5.471.071.647	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		189.275.554		179.029.540	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		285.162.709.589		287.895.787.946	

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

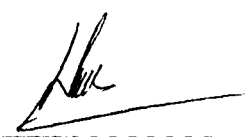
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.891.530.111	22.592.751.685
I. Nợ ngắn hạn	310		15.706.530.111	22.437.751.685
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	9.622.352.953	11.560.934.565
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.164.967.735	1.260.459.284
4. Phải trả người lao động	314		2.464.995.637	1.190.245.283
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		369.217.270	115.011.375
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	1.500.479.140	7.809.293.895
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		63.548.886	87.253.053
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	520.968.490	414.554.230
II. Nợ dài hạn	330		185.000.000	155.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	185.000.000	155.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		269.271.179.478	265.303.036.261
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	269.271.179.478	265.303.036.261
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.745.703.936	6.746.260.664
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.310.155.385	119.339.287.797
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>101.346.700.258</i>	<i>88.342.229.587</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>21.963.455.127</i>	<i>30.997.058.210</i>
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.322.865.886	1.325.033.529
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		285.162.709.589	287.895.787.946

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

NGUYỄN THẾ HUNG
Tổng Giám đốc

 NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng


 NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

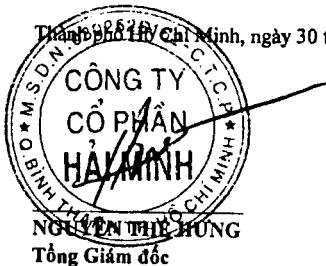
(Có so sánh với số liệu kỳ kế toán năm 2016)

MÁU B02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	113.228.386.944	115.966.322.718
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	3.510.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		113.228.386.944	115.962.812.718
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	99.328.940.751	95.849.402.345
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.899.446.193	20.113.410.373
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.281.536.938	11.404.161.018
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.519.565.699	153.994.331
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		14.858.418.914	12.240.748.359
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.870.328.961	9.928.422.579
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.649.507.385	33.675.902.840
12. Thu nhập khác	31		2.222.015.241	2.020.214.296
13. Chi phí khác	32		214.793.177	197.099.931
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	2.007.222.064	1.823.114.365
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23.656.729.449	35.499.017.205
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.640.409.814	4.574.248.816
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(10.246.014)	(137.567.941)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.026.565.649	31.062.336.330
<i>Trong đó:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		21.963.455.127	30.997.058.210
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		63.110.522	65.278.120
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	1.564,08	2113,46
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	1564,08	2113,46

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



[Signature]
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Kế toán trưởng

[Signature]
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

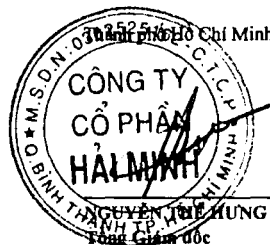
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B 03a-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		23.656.729.449	35.499.017.205
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		13.289.742.167	13.104.914.410
- Các khoản dự phòng	03		787.048.196	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11.623.218	(57.445.337)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(16.239.656.866)	(23.741.032.645)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.505.486.164	24.805.453.633
- Giảm các khoản phải thu	09		10.228.050.710	(15.009.077.217)
- Tăng/(Giảm) hàng tồn kho	10		74.768.464	(321.715.907)
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.322.312.052)	5.113.224.585
- Tăng/(Giảm) chi phí trả trước	12		1.145.946.088	(1.253.814.311)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(9.529.406.637)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.856.575.664)	(5.938.867.484)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.993.291.561)	(2.190.081.458)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		15.252.665.512	5.205.121.841
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII	(10.988.425.362)	(22.727.463.996)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		286.363.637	1.633.400.577
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(106.845.655)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.899.983.181
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.282.694.444)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VII	11.578.091.684	21.661.046.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		769.184.304	3.184.272.216
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.799.770.500)	(14.522.295.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.799.770.500)	(14.522.295.620)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.777.920.684)	(6.132.901.563)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		46.523.785.892	52.599.242.118
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.623.218)	57.445.337
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	42.734.241.990	46.523.785.892



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

(Signature)
NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 35128 668
Fax : 08 35128 688
Mã số thuế : 0 3 0 2 5 2 5 1 6 2

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, 2 công ty liên kết có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	60A Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội	25,00%	25,00%	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa bằng đường biển
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Tầng 17, tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Dịch vụ thông quan. Dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa. Dịch vụ vận tải đường bộ

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 168 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 163 người).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là kỳ kế toán năm thứ 16 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Tài sản khác	5 – 10

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất/quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sân bay, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

- Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo đối số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	31/12/2016
Tiền mặt	1.373.444.310	1.594.004.861
Tiền gửi ngân hàng	9.089.179.031	12.429.781.031
Tiền đang chuyển	1.225.027.456	-
Các khoản tương đương tiền (i)	31.046.591.193	32.500.000.000
Cộng	42.734.241.990	46.523.785.892

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5%/năm đến 5,1%/năm.

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017			31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
Đầu tư mua cổ phiếu	9.529.406.637	10.052.500.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	1.521.150.650	1.581.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa và Môi trường xanh An Phát	1.609.788.583	1.655.000.000	-	-	-	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2017			31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tập đoàn Bảo Việt Công ty Cổ phần	1.531.528.699	1.632.500.000	-	-	-	-
Chứng khoán Sài Gòn	4.866.938.705	5.184.000.000	-	-	-	-
Cộng	9.529.406.637	10.052.500.000	-	-	-	-

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

Đối với các chứng khoán được niêm yết, giá hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	1.389.540.099	1.389.540.099	1.282.694.444	1.282.694.444
Cộng	1.389.540.099	1.389.540.099	1.282.694.444	1.282.694.444

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 6,8%/năm (năm 2016 là 6,8%).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	31/12/2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.889.202.809	35.826.973.234
Công ty Cổ phần Nhật Việt	1.112.861.000	429.947.500
Công ty TNHH Logistics Hà Linh	2.095.398.973	689.935.310
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	3.023.127.930	5.760.687.873
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	327.103.606	326.593.044
Công ty cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.508.043.759	2.520.543.759
Samudera Shipping Line Ltd.	3.081.372.991	8.900.602.636
Công ty TNHH Thương mại Vận chuyển Toàn Cầu	2.534.950.580	6.046.185.718
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	2.207.742.380	1.191.982.778
Công ty TNHH Tiếp Vận Việt Tín	-	175.025.000
Các khách hàng khác	12.998.601.590	9.785.469.616
Cộng	29.889.202.809	35.826.973.234
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	3.023.127.930	5.760.687.873
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	327.103.606	326.593.044
Cộng	3.023.127.930	5.760.687.873

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Công ty cổ phần công trình giao thông Hải Phòng	-	1.324.000.000
Công ty cổ phần xây dựng và tư vấn Minh Giang	50.566.450	1.645.597.509
Khách hàng khác	72.406.412	669.724.418
Cộng	<u>122.972,862</u>	<u>3.639.321.927</u>

5. Phải thu khác

	<u>31/12/2017</u>		<u>31/12/2016</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	8.024.206.382	-	8.387.693.815	-
Công ty TNHH "K"				
Line (Việt Nam)	6.352.378.277	-	6.352.378.277	-
Tạm ứng nhân viên	368.350.693	-	398.286.810	-
Ký cược, ký quỹ	401.000.000	-	250.000.000	-
Lãi dự thu	201.783.782	-	242.131.603	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	80.633.501	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	700.693.630	-	1.064.263.624	-
b) Phải thu dài hạn khác	367.088.000	-	467.088.000	-
Đặt cọc tiền thuê kho bãi	367.088.000	-	462.088.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn khác	-	-	5.000.000	-
Cộng	<u>8.391.294.382</u>	-	<u>8.854.781.815</u>	-
Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH "K"				
Line (Việt Nam)	6.352.378.277	-	6.352.378.277	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	31/12/2017			31/12/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
		Dự phòng			Dự phòng	
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng Công ty Cổ phần Hàng hải Hưng Phú	2.508.043.759	1.755.630.631	752.413.128	-	-	-
Tạm ứng các cá nhân	34.635.068	-	34.635.068	-	-	-
Cộng	2.542.678.827	1.755.630.631	787.048.196	-	-	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	260.714.026	-	147.954.792	-
Hàng hóa	395.380.607	-	582.908.305	-
Cộng	656.094.633	-	730.863.097	-

8. Chi phí trả trước

	31/12/2017	31/12/2016
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.959.505.097	2.427.924.109
Chi phí mua bảo hiểm	650.451.849	469.828.008
Công cụ, dụng cụ	148.623.427	217.252.669
Chi phí sửa chữa	383.542.472	493.067.947
Chi phí khác	776.887.350	1.247.775.485
b) Chi phí trả trước dài hạn	4.793.544.571	5.471.071.647
Công cụ, dụng cụ	2.843.740.711	3.384.981.465
Chi phí sửa chữa	688.854.500	772.245.435
Chi phí khác	1.260.949.360	1.313.844.747
Cộng	6.753.049.668	7.898.995.756

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		TSCĐ khác		Cộng
Nguyên giá											
01/01/2017	76.808.507.516	411.805.821	77.787.019.660	3.755.344.698	4.094.128.273	162.856.805.968					
Tăng trong năm	13.183.182.290	1.023.020.774	10.307.804.059	1.637.688.065	-	26.151.695.188					
Giảm trong năm	-	-	1.885.391.883	-	-	1.885.391.883					
31/12/2017	89.991.689.806	1.434.826.595	86.209.431.836	5.393.032.763	4.094.128.273	187.123.109.273					
Giá trị hao mòn lũy kế											
01/01/2017	23.271.928.820	97.967.592	40.005.976.313	1.468.921.660	2.165.098.666	67.009.893.051					
Tăng trong năm	3.380.951.998	95.173.803	8.098.773.923	478.937.427	705.760.380	12.759.597.531					
Giảm trong năm	-	-	1.514.351.118	-	-	1.514.351.118					
31/12/2017	26.652.880.818	193.141.395	46.590.399.118	1.947.859.087	2.870.859.046	78.255.139.464					
Giá trị còn lại											
01/01/2017	53.536.578.696	313.838.229	37.781.043.347	2.286.423.038	1.929.029.607	95.846.912.917					
31/12/2017	63.338.808.988	1.241.685.200	39.619.032.718	3.445.173.676	1.223.269.227	108.867.969.809					

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 13.427.058.788 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 15.325.167.644 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2017	1.893.987.237	1.893.987.237
Tăng trong năm	22.164.545.456	22.164.545.456
Giảm trong năm	-	-
31/12/2017	24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2017	22.481.820	22.481.820
Tăng trong năm	530.144.636	530.144.636
Giảm trong năm	-	-
31/12/2017	552.626.456	552.626.456
Giá trị còn lại		
01/01/2017	1.871.505.417	1.871.505.417
31/12/2017	23.505.906.237	23.505.906.237

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	31/12/2016
Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sân Cảng	3.847.405.000	34.779.448.068
Công trình đóng Sà lan	-	5.688.285.455
Mua sắm tài sản cố định	731.116.363	-
Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Cộng	4.772.884.999	40.662.097.159

12. Đầu tư tài chính dài hạn

	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	45.057.954.787	40.967.243.901
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)	2.900.016.819	2.900.016.819
Cộng	47.957.971.606	43.867.260.720

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

a) Đầu tư vào các Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Giá trị đầu tư	Công ty TNHH "K" Line Việt Nam		Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh		Cộng
	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	Tại ngày 01/01/2017	Tại ngày 31/12/2017	
Phản lãi (lỗ) phát sinh sau ngày đầu tư					
Tại ngày 01/01/2017	18.175.783.651	18.175.783.651	7.069.435.800	7.069.435.800	25.245.219.451
Tại ngày 31/12/2017	12.904.942.310	13.781.774.769	2.817.082.140	1.076.644.145	15.722.024.450
Phản lợi nhuận/(lỗ) từ công ty liên kết	(9.585.996.166)	(9.585.996.166)	(558.110.000)	(558.110.000)	(10.144.106.166)
Cổ tức tạm ghi nhận trong năm					
Điều chỉnh tăng giá trị theo giá trị tài sản thuần tại ngày 31/12/2017	(612.977.348)	(612.977.348)	(10.624.514)	(10.624.514)	(623.601.862)
Tại ngày 31/12/2017	16.487.743.565	16.487.743.565	3.324.991.771	3.324.991.771	19.812.735.336
Giá trị hợp lý					
Tại ngày 01/01/2017	31.080.725.961	31.080.725.961	9.886.517.940	9.886.517.940	40.967.243.901
Tại ngày 31/12/2017	34.663.527.216	34.663.527.216	10.394.427.571	10.394.427.571	45.057.954.787

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An (*)	2.900.016.819	-	2.900.016.819	-
Cộng	2.900.016.819	-	2.900.016.819	-

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tương ứng với 412.500 cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 8.250.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 giá trị hợp lý là 10.670.000.000 VND tương ứng với 275.000 cổ phiếu). Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn này là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày Báo cáo tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINHTầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	1.509.426.209	1.509.426.209	1.755.601.460	1.755.601.460
Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Tân Cảng	-	-	901.434.593	901.434.593
Công ty TNHH Cảng Phước Long	91.628.300	91.628.300	1.509.545.503	1.509.545.503
Khách hàng khác	8.021.298.444	8.021.298.444	7.394.353.009	7.394.353.009
Cộng	9.622.352.953	9.622.352.953	11.560.934.565	11.560.934.565

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2017
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	214.737.980	3.276.824.466	3.673.971.353	(182.408.907)
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu</i>	<i>(143.136.290)</i>	<i>-</i>	<i>260.240.711</i>	<i>(403.377.001)</i>
<i>Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp</i>	<i>357.874.270</i>	<i>3.276.824.466</i>	<i>3.413.730.642</i>	<i>220.968.094</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	350.690.408	2.077.204.017	1.856.575.664	571.318.761
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu</i>	<i>(157.275.576)</i>	<i>417.575.949</i>	<i>320.839.482</i>	<i>(60.539.109)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp</i>	<i>507.965.984</i>	<i>1.659.628.068</i>	<i>1.535.736.182</i>	<i>631.857.870</i>
Thuế thu nhập cá nhân	181.608.696	1.218.179.209	1.282.894.443	116.893.462
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu</i>	<i>(90.067.191)</i>	<i>40.236.019</i>	<i>92.142.853</i>	<i>(141.974.025)</i>
<i>Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp</i>	<i>271.675.887</i>	<i>1.177.943.190</i>	<i>1.190.751.590</i>	<i>258.867.487</i>
Các loại thuế khác	111.146.143	1.728.892.409	1.786.764.268	53.274.284
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế đất	(11.797.000)	676.579.000	664.782.000	-
Thuế nhà thầu	122.943.143	1.039.313.409	1.108.982.268	53.274.284
Thuế phải nộp	-	-	-	-
Thuế phải thu	-	-	-	-
Cộng	858.183.227	8.301.100.101	8.600.205.728	559.077.600
Trình bày:				
Thuế phải thu	402.276.057			605.890.135
Thuế phải nộp	1.260.459.284			1.164.967.735

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Phải trả khác**

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
a) Phải trả ngắn hạn khác	1.500.479.140	7.809.293.895
Kinh phí công đoàn	51.822.930	116.401.880
BHXH	126.484.836	21.960.159
BHYT	24.490.415	5.554.500
BHTN	10.628.921	2.030.900
Cổ tức hải trả	13.923.195	6.599.923.500
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	118.300.000	86.000.000
Phải trả nhân viên	500.411.095	259.517.825
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	654.417.748	717.905.131
b) Phải trả dài hạn khác	185.000.000	155.000.000
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh – Ký quỹ thuê văn phòng	140.000.000	140.000.000
Công ty TNHH SCHUNK INTEC	30.000.000	
Tài xế - Nhận ký quỹ dài hạn	15.000.000	15.000.000
Cộng	<u>1.685.479.140</u>	<u>7.964.293.895</u>

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiêu	Tăng do trích lập			31/12/2017
	01/01/2017	từ lợi nhuận	Chi trong năm	
Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng	67.351.090	1.859.823.493	(1.798.384.001)	128.790.582
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	347.203.140	1.239.882.328	(1.194.907.560)	392.177.908
Cộng	<u>414.554.230</u>	<u>3.099.705.821</u>	<u>(2.993.291.561)</u>	<u>520.968.490</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

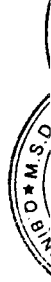
Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	Số dư 01/01/2016	31/12/2016					
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận năm 2016	-	-	-	-	30.997.058.210	65.278.165	31.062.336.375
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(3.993.413.436)	(122.523.169)	(4.115.936.605)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(21.119.755.200)	(21.119.755.200)	(21.119.755.200)
Tăng khác	-	20.000.000	-	-	3.791.868.883	135.150.991	3.947.019.874
Giảm khác	-	-	13.000.000	-	(114.444.335)	(299.764.661)	(401.208.996)
Số 31/12/2016	131.998.470.000	5.893.984.271	5.893.984.271	6.746.260.664	119.339.287.797	1.325.033.529	265.303.036.261
Số dư 01/01/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	5.893.984.271	6.746.260.664	119.339.287.797	1.325.033.529	265.303.036.261
Lợi nhuận năm 2017	-	-	-	-	21.963.455.127	63.110.522	22.026.565.649
Chia cổ tức(*)	-	-	-	-	(13.199.847.000)	(65.278.165)	(13.265.125.165)
Trích quỹ các quỹ	-	-	-	-	(3.034.427.656)	-	(3.034.427.656)
Tăng khác (**)	-	-	-	-	13.427.494	-	13.427.494
Giảm khác	-	-	-	(556.728)	(1.771.740.377)	-	(1.772.297.105)
31/12/2017	131.998.470.000	5.893.984.271	5.893.984.271	6.745.703.936	123.310.155.385	1.322.865.886	269.271.179.478

(*) Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2017, bao gồm: chia cổ tức 10%; trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 6% Lợi nhuận hợp nhất; trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị 4% Lợi nhuận hợp nhất.

(**) Khoản tăng khác do xác định lại theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017*

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	31/12/2017			31/12/2016		
	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Giá trị
Peter Eric Dennis	5,64%	744.717	7.447.170.000	5,64%	744.717	7.447.170.000
Ông Nguyễn Thế Quân	3,99%	526.718	5.267.180.000	3,99%	526.718	5.267.180.000
Ông Nguyễn Quốc Hùng	3,31%	437.385	4.373.850.000	3,31%	437.385	4.373.850.000
Pyn Elite Fund (Non - ucits)	2,89%	381.000	3.810.000.000	2,89%	381.000	3.810.000.000
Ông Lê Ngọc Đức	2,59%	341.886	3.418.860.000	2,59%	341.886	3.418.860.000
Ông Nguyễn Văn Hà	2,58%	340.185	3.401.850.000	2,58%	340.185	3.401.850.000
Ông Phùng Văn Quang	2,56%	337.904	3.379.040.000	2,56%	337.904	3.379.040.000
Bà Nguyễn Mỹ Hải	2,53%	334.273	3.342.730.000	2,53%	334.273	3.342.730.000
Các cổ đông khác	73,91%	9.755.779	97.557.790.000	73,91%	9.755.779	97.557.790.000
Cộng	100%	13.199.847	131.998.470.000	100,00%	13.199.847	131.998.470.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất*Ngoại tệ các loại*

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Đô la Mỹ	USD	22.584,52	70.892,56

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Dịch vụ vận tải	37.242.471.042	47.244.273.138
Dịch vụ khai thác kho bãi	54.727.373.623	47.174.955.867
Dịch vụ đại lý container	10.038.602.991	11.663.408.448
Cho thuê văn phòng	2.127.300.757	1.519.916.416
Doanh thu bán hàng hóa	9.092.638.531	8.363.768.849
Cộng	<u>113.228.386.944</u>	<u>115.966.322.718</u>

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn dịch vụ vận tải	40.871.098.465	45.703.167.057
Giá vốn khai thác kho bãi	43.688.946.300	35.823.614.138
Giá vốn đại lý container	4.865.796.803	4.734.872.148
Giá vốn Cho thuê văn phòng	1.322.441.591	1.538.768.880
Giá vốn hàng hóa	8.580.657.592	8.048.980.122
Cộng	<u>99.328.940.751</u>	<u>95.849.402.345</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.208.634.223	1.474.185.192
Cổ tức, lợi tức được chia từ công ty liên kết	-	3.880.218
Đầu tư khác	412.500.000	9.227.089.819
Lãi kinh doanh chứng khoán	2.202.487.643	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	199.001.524	225.351.295
Lãi chênh lệch tỷ giá thanh toán	258.913.548	336.209.157
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thanh toán	-	57.445.337
Lãi chuyển nhượng vốn	-	80.000.000
Cộng	4.281.536.938	11.404.161.018

4. Chi phí tài chính

Chi phí đầu tư chứng khoán	1.448.744.414	20.021.918
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.198.067	133.972.413
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.623.218	-
Cộng	1.519.565.699	153.994.331

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	5.666.592.554	5.388.628.699
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	342.700.835	312.195.129
Chi phí dụng cụ quản lý	103.936.158	370.902.934
Chi phí khấu hao	399.514.730	402.641.708
Thuế phí và lệ phí	39.866.271	40.139.813
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	787.048.196	164.662.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.004.516.215	1.845.086.775
Chi phí bằng tiền khác	526.154.002	1.404.165.521
Cộng	9.870.328.961	9.928.422.579

6. Lợi nhuận khác

Thu nhập khác		
Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	224.309.668
Thu bồi thường	1.825.002.443	-
Thu từ thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	388.872.727	1.409.090.909
Góp vốn bằng tài sản	-	386.813.719
Thu nhập khác	8.140.071	-
Cộng	2.222.015.241	2.020.214.296

Chi phí khác

Chi phí công cụ dụng cụ thanh lý	25.518.188	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ	44.998.281	-
Giá trị còn lại tài sản thanh lý	26.397.795	17.912.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nộp phạt thuế	72.357.263	75.883.461
Chi phí khác	45.521.650	103.304.470
Cộng	214.793.177	197.099.931
	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	2.007.222.064	1.823.114.365

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.656.729.449	35.499.017.205
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(14.801.496.512)	(12.627.773.122)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	72.357.263	120.605.268
Trừ các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(14.873.853.775)	(12.748.378.390)
Thu nhập chịu thuế	8.855.232.937	22.871.244.083
Thuế suất	20%	20%
Thuế suất áp dụng thông thường	1.771.046.587	4.574.248.816
Ưu đãi miễn thuế	(130.636.773)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.640.409.814	4.574.248.816

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác
Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty con và Công ty mẹ sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8. Lãi trên cổ phần

Việc tính toán lãi trên cổ phần cơ bản và lãi trên cổ phần suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	21.963.455.127	30.997.058.210
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.317.807.308)	(3.099.705.821)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	20.645.647.819	27.897.352.389
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.199.847	13.199.847
Lãi cơ bản trên cổ phần	1.564,08	2.113,46

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b) Lãi suy giảm trên cổ phần**

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	20.645.647.819	27.897.352.389
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phần	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	20.645.647.819	27.897.352.389
Số cổ phần phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phần	13.199.847	13.199.847
Số lượng cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phần bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	13.199.847	13.199.847
Lãi suy giảm trên cổ phần	1.564,08	2.113,46

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	20.619.760.090	22.672.969.197
Chi phí nhân viên	27.161.712.024	28.316.923.881
Chi phí khấu hao	13.199.882.148	13.104.914.410
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.037.642.428	38.901.628.511
Chi phí bằng tiền khác	1.180.273.022	2.781.388.925
Cộng	109.199.269.712	105.777.824.924

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	201.783.782	242.131.603
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng từ lợi nhuận được chia	63.110.078	264.888.800
Mua sắm, xây dựng tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp	1.438.603.122	-

2. Các giao dịch bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng cuối năm trước đã thu trong năm	225.351.295	-
Cổ tức năm trước đã chi trả năm nay	6.599.923.500	2.463.920

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Trong vòng 1 năm	448.559.000	3.824.411.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	1.794.236.000	9.592.545.000
Sau 5 năm	3.588.472.000	4.037.031.000
Cộng	<u>5.831.267.000</u>	<u>17.453.987.000</u>

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất, thuê bến bãi, thuê văn phòng theo các hợp đồng như sau:

- Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty Cổ phần Hải Minh (Công ty mẹ) thể hiện tổng số tiền thuê 9.211 m² để làm kho bãi container và các sinh hoạt khác tại số 1201 Xa lộ Hà Nội, phường Ngãi Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương với giá thuê là 11.000 VND/m²/01 tháng theo hợp đồng số 07/TMB-TV ký ngày 10 tháng 4 năm 2015 với thời hạn 05 năm tính từ ngày 15/5/2015. Và thuê 15.000 m² để làm kho bãi container tại số 1354 Nguyễn Xiển, phường Long Bình, Quận 9 với giá thuê là 180.000.000 VND/01 tháng theo hợp đồng thuê số 01/2013 ký ngày 11 tháng 3 năm 2015 với thời hạn thuê là 05 năm. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 Công ty không còn thuê nữa.
- Khoản thanh toán tiền thuê hoạt động tại Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát thể hiện tổng số tiền thuê 20.330,03 m² tại phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng thuê đất số 22/HĐTĐ ngày 27 tháng 7 năm 2009 và Thông báo 3212/TB-CT ngày 18 tháng 5 năm 2016 được ký với thời hạn 30 năm tính từ ngày 15 tháng 11 năm 2000, đơn giá thuê 448.559.000 VND/m²/năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Công ty con
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh	Công ty con
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Hàng Hải Hưng Phú	Công ty liên kết

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Lợi nhuận được chia	9.585.996.166	10.959.771.887
Cung cấp dịch vụ	<u>3.842.829.604</u>	<u>9.325.109.626</u>

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Lợi nhuận được chia	558.110.000	-
Cung cấp dịch vụ	<u>1.651.009.137</u>	<u>3.517.388.965</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	<u>31/12/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Công ty TNHH "K" Line (Việt Nam)		
Phải thu khách hàng	3.023.127.930	5.760.687.873
Phải thu khác	<u>6.352.378.277</u>	<u>6.352.378.277</u>

Công ty TNHH Tiếp vận Dongbu Hải Minh

Phải thu khách hàng	327.103.606	326.593.044
Phải trả tiền ký quỹ thuê văn phòng	<u>140.000.000</u>	<u>140.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
Tiền lương, thưởng	<u>1.959.270.266</u>	<u>1.875.055.341</u>
Cộng	<u>1.959.270.266</u>	<u>1.875.055.341</u>

3. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chủ yếu loại hình dịch vụ do đó không phát sinh báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại hai địa điểm Thành phố Hồ Chí Minh và Hải Phòng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý

	Năm 2017	Năm 2016
Thành phố Hải Phòng	74.258.840.182	74.590.207.803
Thành phố Hồ Chí Minh	38.969.546.762	41.376.114.915
Cộng	113.228.386.944	115.966.322.718

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	Giá trị còn lại của tài sản bộ phận		Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình	
	31/12/2017	31/12/2016	Năm 2017	Năm 2016
Thành phố Hải Phòng	93.673.433.668	64.593.544.496	39.537.653.683	1.065.909.636
Thành phố Hồ Chí Minh	38.700.442.378	33.124.873.838	9.611.687.423	4.508.293.545
Cộng	132.373.876.046	97.718.418.334	49.149.341.106	5.574.203.181

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.734.241.990	42.734.241.990	46.523.785.892	46.523.785.892
Chứng khoán kinh doanh	9.529.406.637	9.529.406.637	-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.389.540.099	1.389.540.099	1.282.694.444	1.282.694.444
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.136.789.681	29.136.789.681	35.826.973.234	35.826.973.234
Phải thu khác	8.022.943.689	8.022.943.689	8.133.729.901	8.133.729.901
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.900.016.819	2.900.016.819	2.900.016.819	2.900.016.819
Cộng	93.712.938.915	93.712.938.915	94.667.200.290	94.667.200.290

Nợ phải trả tài chính

Phải trả người bán ngắn hạn	9.622.352.953	9.622.352.953	11.560.934.565	11.560.934.565
Chi phí phải trả ngắn hạn	369.217.270	369.217.270	115.011.375	115.011.375

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2017		31/12/2016	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Phải trả khác	971.640.943	971.640.943	7.818.346.456	7.818.346.456
Cộng	10.963.211.166	10.963.211.166	19.494.292.396	19.494.292.396

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi) của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như trình bày tại Thuyết minh số V.9.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

- Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể do tài sản (nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản tiền gửi đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty.

Quản lý rủi ro về giá

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của hàng hóa sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu mà Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,...

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh là không đáng kể.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp cho từng đối tượng khách hàng và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, tiến hành phân tích tuổi nợ, đánh giá tổn thất nợ phải thu do không có khả năng thu hồi và đồng thời xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng quá hạn, khó đòi tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định hiện hành.

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng uy tín và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Tổng Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
31/12/2017				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.734.241.990	-	-	42.734.241.990
Chứng khoán kinh doanh	9.529.406.637	-	-	9.529.406.637
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.389.540.099	-	-	1.389.540.099
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	29.136.789.681	-	-	29.136.789.681
Phải thu khác	7.655.855.689	367.088.000	-	8.022.943.689
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.900.016.819	-	2.900.016.819
Cộng	90.445.834.096	3.267.104.819	-	93.712.938.915
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	9.622.352.953	-	-	9.622.352.953
Chi phí phải trả ngắn hạn	369.217.270	-	-	369.217.270
Phải trả khác	786.640.943	185.000.000	-	971.640.943
Cộng	10.778.211.166	185.000.000	-	10.963.211.166
Chênh lệch thanh khoản thuần	79.667.622.930	3.082.104.819	-	82.749.727.749
31/12/2016				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.523.785.892	-	-	46.523.785.892
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.282.694.444	-	-	1.282.694.444
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	35.826.973.234	-	-	35.826.973.234
Phải thu khác	7.666.641.901	467.088.000	-	8.133.729.901
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.900.016.819	-	2.900.016.819
Cộng	91.300.095.471	3.367.104.819	-	94.667.200.290
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn	11.560.934.565	-	-	11.560.934.565

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Chi phí phải trả ngắn hạn	115.011.375	-	-	115.011.375
Phải trả khác	7.663.346.456	155.000.000	-	7.818.346.456
Cộng	19.339.292.396	155.000.000	-	19.494.292.396
Chênh lệch thanh khoản thuần	71.960.803.075	3.212.104.819	-	75.172.907.894

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



NGUYỄN THẾ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ Phần Hải Minh



CHỦ TỊCH HĐQT

Phùng Văn Quang

